

Số: **12** /2018/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **12** tháng 7 năm 2018

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền  
Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết một số điều Luật Khoáng sản; Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về Lệ phí trước bạ; Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 19/6/2018 về việc ban hành Nghị quyết về một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng trình kỳ họp thứ 7 HĐND thành phố khóa XV; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định về mức thu, đối tượng thu, nộp, quản lý và sử dụng 2 loại phí và 3 loại lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND thành phố, gồm:

1. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất (*Phụ lục số 01 đính kèm*).
2. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (*Phụ lục số 02 đính kèm*).
3. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (*Phụ lục số 03 đính kèm*).
4. Lệ phí hộ tịch (*Phụ lục số 04 đính kèm*).

5. Lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống (*Phụ lục số 05 ban hành kèm theo*).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao UBND thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, UBND thành phố giúp HĐND thành phố kịp thời ban hành và báo cáo kỳ họp HĐND thành phố gần nhất về phí tham quan danh lam thắng cảnh trên vịnh Lan Hạ, Cát Bà.

3. Giao Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố khóa XV Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11/7/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2018./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH)
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP; các PCVP HĐND TP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Công báo TP, Công TT ĐT TP (để đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Thành**

**PHỤ LỤC SỐ 01:**  
**PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,**  
**TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018  
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

**1. Đối tượng nộp phí:**

a) Là các tổ chức và cá nhân có nhu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Các trường hợp không thu phí:

- Các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh thì không phải nộp phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm do lỗi của cơ quan đăng ký;

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên.

**2. Mức thu:**

STT	Các trường hợp nộp phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	Đồng/trường hợp	80.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	Đồng/trường hợp	30.000
3	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	Đồng/trường hợp	20.000
4	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	Đồng/trường hợp	60.000

**3. Đơn vị thu phí:**

a) Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các quận, huyện.

**4. Quản lý và sử dụng phí:**

a) Tỷ lệ phí trích để lại cho đơn vị thu phí và nộp ngân sách nhà nước: Đơn vị thu phí được trích để lại 80%, số còn lại 20% nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Đơn vị thu phí có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn liên quan.

c) Đơn vị thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế./.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Thành**

**PHỤ LỤC SỐ 02:**  
**PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12-/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018  
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản.
2. Mức thu:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Đồng/m <sup>3</sup>	5.000
2	Đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan...); khoáng chất công nghiệp (barit, flourit, bentonit và các loại khoáng chất khác)	Đồng/tấn	3.000
3	Các loại cát khác (Cát đen san lấp)	Đồng/m <sup>3</sup>	4.000
4	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	Đồng/m <sup>3</sup>	2.000
5	Đất sét làm gạch, ngói	Đồng/m <sup>3</sup>	2.000
6	Các loại đất khác	Đồng/m <sup>3</sup>	2.000
7	Đô-lô-mít (dolomite), quắc-zít (quartzite)	Đồng/tấn	30.000
8	Nước khoáng thiên nhiên	Đồng/m <sup>3</sup>	3.000
9	Khoáng sản không kim loại khác	Đồng/tấn	30.000

Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định trên.

Đối với các loại khoáng sản khác chưa có trong danh mục trên, nếu phát sinh khai thác trên địa bàn thành phố Hải Phòng thì áp dụng mức thu phí bảo vệ môi trường bằng mức thu tối đa theo quy định tại biểu khung mức phí ban hành theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

3. Cơ quan thu phí: Cục Thuế thành phố Hải Phòng

4. Quản lý và sử dụng phí:

a) Tiền thu phí nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Việc sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản./.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Thành**

**PHỤ LỤC SỐ 03:**  
**LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG**  
**CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018*  
*của HĐND thành phố Hải Phòng)*

---

**1. Đối tượng nộp lệ phí:**

Là người sử dụng lao động nước ngoài quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

**2. Mức thu:**

- a) Lệ phí cấp giấy phép lao động: 600.000 đồng/ 01 giấy phép;
- b) Lệ phí cấp lại giấy phép lao động: 450.000 đồng/ 01 giấy phép.

**3. Cơ quan, đơn vị thu lệ phí:**

a) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thu lệ phí đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật không nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng khi làm thủ tục cấp, cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thu lệ phí đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng khi làm thủ tục cấp, cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài.

**4. Quản lý và sử dụng phí:**

a) Nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Hàng năm, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng lập dự toán cả năm về chi phí cần thiết và quyết toán theo quy định.

c) Việc quản lý, sử dụng tiền phí thu được phải bảo đảm nguyên tắc theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí và văn bản hướng dẫn có liên quan./.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Thành**

## PHỤ LỤC SỐ 04: LỆ PHÍ HỘ TỊCH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng)

### 1. Đối tượng nộp lệ phí và mức thu:

a) UBND cấp xã thực hiện thu lệ phí đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã theo các mức thu sau:

TT	Các trường hợp thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	8.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	Đồng/lần	8.000
3	Đăng ký lại kết hôn	Đồng/lần	30.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	10.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	Đồng/lần	10.000
6	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Đồng/lần	5.000
7	Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Đồng/lần	5.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	5.000

b) UBND cấp huyện thực hiện thu lệ phí đối với các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo các mức thu sau:

TT	Các trường hợp thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đăng ký khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Đồng/lần	75.000
2	Đăng ký khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	Đồng/lần	75.000
3	Đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn	Đồng/lần	1.500.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Đồng/lần	1.500.000

TT	Các trường hợp thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
5	Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ	Đồng/lần	75.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài; xác định lại dân tộc	Đồng/lần	28.000
7	Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Đồng/lần	75.000
8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	Đồng/lần	75.000

c) Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch, cụ thể:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

- Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện tại UBND cấp xã.

2. Cơ quan thu phí: UBND cấp huyện, cấp xã.

3. Quản lý và sử dụng phí:

a) UBND cấp huyện, cấp xã nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Hàng năm UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng dự toán chi phí trang trải cho việc thu lệ phí này theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn có liên quan để được cấp theo dự toán và thực hiện quyết toán chi phí theo quy định.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành



**PHỤ LỤC SỐ 05:**  
**LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ LẦN ĐẦU**  
**ĐỐI VỚI XE Ô TÔ TỪ 9 CHỖ NGỒI TRỞ XUỐNG**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018*  
*của HĐND thành phố Hải Phòng)*

1. Đối tượng nộp lệ phí:

Tổ chức, cá nhân đăng ký nộp lệ phí trước bạ lần đầu đối với xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Mức thu:

Mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống trên địa bàn thành phố Hải Phòng là 12%.

3. Cơ quan thu lệ phí: Các Chi cục thuế trên địa bàn thành phố.

4. Quản lý và sử dụng lệ phí:

Tiền thu lệ phí trước bạ và việc sử dụng lệ phí trước bạ thực hiện theo quy định Nghị quyết số 152/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Thành**